

Số: 002/2025/12/ĐS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2025

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

- Căn cứ Hợp đồng thẩm định giá số 217-2025/PTSC-CHW2204/HD, ngày 12/09/2025 được ký kết giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.
- Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam cung cấp Chứng thư thẩm định giá này với các nội dung sau đây:

1. Khách hàng thẩm định giá:

- Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC).
- Địa chỉ: Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (+84) 28 3910 2828 Fax: (+84) 28 3910 2929.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Tuấn - Chức vụ: Phó Trưởng Ban Dự án CHW2204.

2. Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá:

- Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.
- Địa chỉ: Số 359 đường Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về tài sản thẩm định giá: Lô vật tư dư thừa, phế liệu (scrap) của Dự án CHW2204.

- Địa điểm của tài sản thẩm định giá: Chi tiết xem mục 2 báo cáo kết quả thẩm định giá.

4. Thời điểm thẩm định giá: Tháng 09/2025.

5. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở phục vụ cho công tác thanh lý.

6. Cơ sở giá trị thẩm định giá: Giá trị thị trường.

7. Giả thiết và giả thiết đặc biệt: Không có giả thiết và giả thiết đặc biệt.

8. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá:

- Cách tiếp cận từ thị trường – Phương pháp so sánh.

9. Tổng giá trị ước tính của tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 09/2025 là: 46.114.796.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ một trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

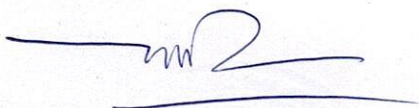
- Chi tiết xem báo cáo thẩm định giá kèm theo.

10. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư thẩm định giá: 03 (ba) tháng.

11. Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá: Chi tiết xem báo cáo thẩm định giá kèm theo.

Chứng thư được phát hành 03 bản chính tại Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá Miền Nam: Cấp cho khách hàng thẩm định giá 02 bản và lưu 01 bản có giá trị như nhau.

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ



Nguyễn Thị Tuyết Anh

Thẻ ĐDV số: VIII13.715

Chứng chỉ ĐGD số: 05370120

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cảnh Sơn

Thẻ ĐDV số: IV06.321

Chứng chỉ ĐGD số: 05760120

"Thẩm định viên về giá hoặc cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá (sau đây gọi là người thực hiện hoạt động thẩm định giá) cần thẳng thắn, trung thực và không che giấu trong các mối quan hệ công việc và chuyên môn, không có hành vi vụ lợi từ việc thẩm định giá." (Thông tư số 30/2024/TT-BTC)

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo chứng thư thẩm định giá Số 002/2025/12/ĐS ngày 30/09/2025 của SIVC)

1. Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá:

- Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam (Tên viết tắt: SIVC)
- Địa chỉ: Số 359 đường Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mã số: 002/TĐG.
- Số thông báo: 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Họ và tên: Nguyễn Cảnh Sơn.
 - + Chức vụ: Tổng giám đốc.
 - + Số thẻ TĐV: IV06.321.
- Thẩm định viên về giá:
 - + Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Anh.
 - + Số thẻ TĐV: VIII 13.715.

2. Các thông tin cơ bản về phạm vi cuộc thẩm định giá:

- **Khách hàng yêu cầu TĐG:**
 - + Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC).
 - + Địa chỉ: Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Điện thoại: (+84) 28 3910 2828 Fax: (+84) 28 3910 2929.
 - + Người đại diện: Ông Nguyễn Tuấn - Chức vụ: Phó Trưởng Ban Dự án CHW2204.
- **Tài sản thẩm định giá:** Lô vật tư dư thừa, phế liệu (scrap) của Dự án CHW2204.
- **Địa điểm của tài sản thẩm định giá:**
 - + Đường số 2B, khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Đường số 2B, khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Đường số 3, khu Công nghiệp Phú Mỹ II, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Đường số 3, khu Công nghiệp Phú Mỹ II, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Lô số 38, khu C, đường D1, khu Công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Lô số 38, khu C, Đường D1, khu Công nghiệp An Hạ, xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp).
 - + Số 65A3 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A3 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Thôn Nam Sơn, xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Nay là: Thôn Nam Sơn, xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa).
 - + Số 65A2 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A2 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).
- **Mục đích thẩm định giá:** Làm cơ sở phục vụ cho công tác thanh lý.
- **Thời điểm thẩm định giá:** Tháng 09/2025.

3. Cơ sở pháp lý thẩm định giá:

- Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023;

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính Ban hành các chuẩn mực thẩm định giá việt nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;
- Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính Ban hành chuẩn mực thẩm định giá việt nam về thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá;
- Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính Ban hành các chuẩn mực thẩm định giá việt nam về cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập;
- Thông tư 38/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá;
- Công văn mời chào giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị lô vật tư dư thừa, phế liệu (Scrap) số CHW2204-00-PO-RFQ-0153, ngày 22/08/2025 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Hợp đồng thẩm định giá số 217-2025/PTSC-CHW2204/HD, ngày 12/09/2025 được ký kết giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam;
- Quyết định số 32/QĐ-SIVC, ngày 12/09/2025 của Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam về việc thành lập Tổ thẩm định giá và cử Thẩm định viên về giá.

4. Thông tin về tài sản thẩm định giá:

4.1 Pháp lý doanh nghiệp thẩm định giá:

Stt	Loại văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan cấp, xác nhận
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần	Mã số doanh nghiệp: 0100150577 Ngày: 12/03/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/09/2025	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật Công ty ông Trần Hồ Bắc - Chức vụ: Tổng giám đốc.	Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Đặc điểm kinh tế kỹ thuật và môi trường tài sản thẩm định giá:

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Hiện trạng tài sản	Khối lượng
1	Khu vực 1	– PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2+NR EN-S355K2NR EN-S355ML+Z35 EN-S420ML S355K2+N S355K2+NR; S355K2NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z S420ML; S420NL/ML	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ đường số 2B, khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Đường số 2B, khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh).	1.589,452 tấn

"Thẩm định viên về giá hoặc cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá cần thẳng thắn, trung thực và không che giấu trong các mối quan hệ công việc và chuyên môn, không có hành vi vụ lợi từ việc thẩm định giá"(Thông tư số 30/2024/TT-BTC)
 O:\09. Ban NV\4.2. cong.ti\DS\Nam 2025\Thang 09\002-2025-12-DS (Tong Cty CP DV KT Dau khi Viet Nam)\Bao cao.doc Trang 2/12

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Hiện trạng tài sản	Khối lượng
2	Khu vực 2	– PLATE (Thép tấm) EN-S355ML S355ML	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ đường số 3, khu Công nghiệp Phú Mỹ II, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Đường số 3, khu Công nghiệp Phú Mỹ II, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh).	168,463 tấn
3	Khu vực 3	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M S355ML/ M; S355ML+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 EN-S355MLZ S355K2+N; S355K2+NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Lô số 38, khu C, đường D1, khu Công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Lô số 38, khu C, Đường D1, khu Công nghiệp An Hạ, xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh).	711,856 tấn
4	Khu vực 4	– PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+NR EN-S355ML+Z35 S355K2+N S355K2NR S355ML S355ML+Z S355ML+Z35; S355ML-Z35	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp).	420,494 tấn
5	Khu vực 5	– PLATE (Thép tấm) EN-S355ML S355ML S355ML+Z35 – TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z – BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Số 65A3 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A3 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).	538,595 tấn

*Thẩm định viên về giá hoặc cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá cần thẳng thắn, trung thực và không che giấu trong các mối quan hệ công việc và chuyên môn, không có hành vi vụ lợi từ việc thẩm định giá' (Thông tư số 30/2024/TT-BTC)

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Hiện trạng tài sản	Khối lượng
6	Khu vực 6	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 S355 ML; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355NL/ML; S355NL/ML+Z – TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).	438,828 tấn
7	Khu vực 7	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355ML+ Z35 EN-S355K2NR EN-S355ML; EN-S355ML+Z35 EN-S355MLZ; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355ML+Z35	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Thôn Nam Sơn, xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Nay là: Thôn Nam Sơn, xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa).	454,888 tấn
8	Khu vực 8	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M S355ML S355ML+Z	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Số 65A3 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A3 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).	81,118 tấn
9	Khu vực 9	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 S355K2+N; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355ML-Z35 S355NL/ML	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Số 65A2 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A2 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).	350,535 tấn

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Hiện trạng tài sản	Khối lượng
10	Khu vực 10	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z S355ML+Z35	– Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép ống, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại bãi khu vực ngoài trời tại địa chỉ Số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số 65A đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).	99,960 tấn

5. Thông tin tổng quan về thị trường giao dịch của nhóm (loại) tài sản thẩm định giá:

- Thu mua phế liệu đang được đánh giá là thị trường tiềm năng, mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho cả doanh nghiệp thanh lý hay đơn vị thu mua. Trong những năm gần đây, thị trường thu mua phế liệu đang ngày một mở rộng và nhộn nhịp hơn, sự phát triển của nền công nghiệp cùng sự gia tăng nhanh chóng về dân số đã kéo theo nhiều vấn đề về môi trường như lượng rác thải, phế liệu ngày một nhiều. Điều đó đã thúc đẩy nhu cầu thu mua cũng như thanh lý phế liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường phế liệu phát triển hơn. Đặc biệt, thời gian gần đây, nhu cầu thu mua, thanh lý phế liệu nói chung đang có xu hướng tăng mạnh. Do tình hình nhập khẩu hàng hóa ở nước ta ngày càng thắt chặt hơn nên nguồn cung cấp phế liệu từ nước ngoài bị thiếu hụt nghiêm trọng. Vậy nên các đơn vị đã đổi hướng, tìm kiếm nguồn cung trong nước. Nguồn thu mua tương đối nhiều, giá cả thu mua ngày càng cạnh tranh.
- Tài sản thẩm định là vật tư dư thừa, phế liệu của Dự án CHW2204 là những thép tấm, thép ống, thép thanh, thép phế liệu, thép vụn dư thừa của dự án, có nhiều kích cỡ khác nhau, nhiều độ dày khác nhau, theo cảm quan bên ngoài tài sản có dấu hiệu rỉ sét. Tài sản thẩm định hiện đang được lưu trữ tại các bãi khu vực ngoài trời. Trên thị trường có nhiều đơn vị thu mua phế liệu, tận dụng, giá thu mua biến động liên tục theo thời điểm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình kinh tế, số lượng, chất lượng, vị trí và chủng loại phế liệu, mức giá thu mua tùy thuộc vào cảm nhận của người thu mua.

6. Cơ sở thẩm định giá:

- Căn cứ vào mục đích thẩm định giá, đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và đặc điểm thị trường của tài sản thẩm định giá, SIVC lựa chọn cơ sở giá trị, các nguyên tắc và cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá như sau:

6.1 Cơ sở giá trị:

- Giá trị thị trường: Theo Điều 5 – Chuẩn mực Thẩm định giá Việt Nam về cơ sở giá trị thẩm định giá (Kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):
“Giá trị thị trường là khoản tiền ước tính để tài sản có thể được giao dịch tại thời điểm thẩm định giá giữa người sẵn sàng mua và người sẵn sàng bán trong một giao dịch khách quan, độc lập, sau khi được tiếp thị đầy đủ và các bên tham gia hành động có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc”

6.2 Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá:

- Sau khi xem xét các đặc điểm của tài sản thẩm định giá, phân tích thị trường và động thái người mua SIVC chọn Cách tiếp cận từ thị trường – Phương pháp so sánh theo Chuẩn mực Thẩm định giá Việt Nam về cách tiếp cận được quy định tại Thông tư 32/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 để xác định giá trị tài sản. Đồng thời, do hạn chế về thông tin thu thập và số liệu đầu vào nên các phương pháp khác không đủ cơ sở để tính toán.

7. Giả thiết và giả thiết đặc biệt: Không có giả thiết và giả thiết đặc biệt.

8. Phương thức tiến hành để thẩm định giá:

- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá do khách hàng cung cấp.
- Thực hiện thẩm định hiện trạng và chụp ảnh tài sản từ ngày 15/09/2025 đến ngày 19/09/2025, người hướng dẫn, xác nhận và chịu trách nhiệm của đại diện Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Tham khảo, phân tích nguồn dữ liệu thông tin và so sánh giá thị trường tại thời điểm tháng 09/2025.
- Thông tin thu thập từ các đơn vị thu mua phế liệu, tận dụng, SIVC đánh giá các nguồn thông tin là đáng tin cậy và phù hợp để xác định giá trị tài sản thẩm định giá.

❖ Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng:

- + Địa chỉ: Căn 1.02, Tầng 1, Chung Cư ASIANA CAPELLA, số 184 Trần Văn Kiêu, phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Điện thoại: 0909.552.602

❖ Công ty TNHH Nhất Lộc:

- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 179 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ).
- + Điện thoại: 0961.779345

❖ Công ty TNHH Mai Bảo Đại:

- + Địa chỉ: Số 20/4A tổ 4, khu phố Chiêu Liêu, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Điện thoại: 0987.782.688

9. Giá trị tài sản thẩm định giá:

- Tổng giá trị ước tính của tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 09/2025 là: **46.114.796.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ một trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Trong đó:

Đvt: Đồng

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Khối lượng	Giá trị tài sản	
				Đơn giá	Thành tiền
1	Khu vực 1	- PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2+NR EN-S355K2NR EN-S355ML+Z35 EN-S420ML S355K2+N S355K2+NR; S355K2NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z S420ML; S420NL/ML	1.589,452 tấn	9.500.000	15.099.794.000
2	Khu vực 2	- PLATE (Thép tấm) EN-S355ML S355ML	168,463 tấn	9.500.000	1.600.398.500
3	Khu vực 3	- BULB FLAT (Thép mô) S355J2+M S355ML/ M; S355ML+M - PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN- S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 EN-S355MLZ S355K2+N; S355K2+NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z	711,856 tấn	9.500.000	6.762.632.000

"Thẩm định viên về giá hoặc cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá cần thẳng thắn, trung thực và không che giấu trong các mối quan hệ công việc và chuyên môn, không có hành vi vụ lợi từ việc thẩm định giá"(Thông tư số 30/2024/TT-BTC)
O:\09. Ban NV\42. cong.ti\DS\Nam 2025\Thang 09\002-2025-12-DS (Tong Cty CP DV KT Dau khi Viet Nam)\Bao cao.doc Trang 6/12

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Khối lượng	Giá trị tài sản	
				Đơn giá	Thành tiền
4	Khu vực 4	– PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+NR EN-S355ML+Z35 S355K2+N S355K2NR S355ML S355ML+Z S355ML+Z35; S355ML-Z35	420,494 tấn	9.500.000	3.994.693.000
5	Khu vực 5	– PLATE (Thép tấm) EN-S355ML S355ML S355ML+Z35 – TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z – BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M	538,595 tấn	9.500.000	5.116.652.500
6	Khu vực 6	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 S355 ML; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355NL/ML; S355NL/ML+Z – TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z	438,828 tấn	9.500.000	4.168.866.000
7	Khu vực 7	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN- S355ML+ Z35 EN-S355K2NR EN-S355ML; EN- S355ML+Z35 EN-S355MLZ; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355ML+Z35	454,888 tấn	9.500.000	4.321.436.000
8	Khu vực 8	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M S355ML S355ML+Z	81,118 tấn	9.500.000	770.621.000
9	Khu vực 9	– BULB FLAT S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN- S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 S355K2+N; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355ML-Z35 S355NL/ML	350,535 tấn	9.500.000	3.330.082.500

"Thẩm định viên về giá hoặc cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá cân bằng thị trường, trung thực và không che giấu trong các mối quan hệ công việc và chuyên môn, không có hành vi vụ lợi từ việc thẩm định giá" (Thông tư số 30/2024/TT-BTC)



Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Khối lượng	Giá trị tài sản	
				Đơn giá	Thành tiền
10	Khu vực 10	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z S355ML+Z35	99,960 tấn	9.500.000	949.620.000
Tổng cộng					46.114.795.500
Làm tròn					46.114.796.000

– Chi tiết xem phụ lục báo cáo thẩm định giá.

10. Thời hạn có hiệu lực của báo cáo thẩm định giá: 03 (ba) tháng.

11. Những điều khoản loại trừ và hạn chế kèm theo kết quả thẩm định giá:

11.1 Những điều khoản loại trừ kèm theo kết quả thẩm định giá:

- Mức giá trên là giá tối thiểu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành. Không bao gồm các chi phí khác (nếu có).
- Mức giá trên là mức giá bán thanh lý nguyên lô, chi phí bốc dỡ, vận chuyển do bên mua chịu.
- Số lượng và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của tài sản, SIVC căn cứ theo danh mục yêu cầu thẩm định giá, pháp lý tài sản thẩm định giá do khách hàng cung cấp và biên bản thẩm định hiện trạng ngày 19/09/2025, dưới sự hướng dẫn, xác nhận và chịu trách nhiệm của đại diện Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Kết quả thẩm định giá trên không có giá trị trong việc xác lập quyền sở hữu tài sản, không thay thế quyết định của các bên liên quan đến tài sản thẩm định giá và việc quyết định mức giá cuối cùng là do cơ quan có thẩm quyền quyết định. SIVC không có trách nhiệm giải quyết bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến vấn đề nêu trên.
- ***Kết quả thẩm định giá trên chỉ được xác nhận cho một mục đích duy nhất nêu trong hợp đồng thẩm định giá theo đúng quy định của pháp luật. SIVC không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng kết quả thẩm định giá này cho bất kỳ mục đích nào khác.***
- Kết quả thẩm định giá nêu trên chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi các bên tham gia Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá hoàn tất các thủ tục về Hợp đồng theo luật định. Trong trường hợp có khiếu nại về kết quả thẩm định giá, SIVC chỉ có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn có hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá nêu trên.
- Kết quả nêu trên được giới hạn trong điều kiện tư vấn không trực tiếp là chủ tài sản nên có hạn chế về đàm phán giá thực hiện giao dịch cụ thể. Chủ tài sản có trách nhiệm quyết định mức giá tài sản trong giao dịch cụ thể, đảm bảo tính hiệu quả cao nhất có thể. Giá giao dịch cụ thể có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường, tùy thuộc vào nhu cầu của người mua tiềm năng, điều kiện mua bán và động thái thị trường Tại thời điểm diễn ra giao dịch; mà người mua – người bán sẽ có mức giá giao dịch hợp lý.
- Công tác thẩm định hiện trạng tài sản thẩm định giá dựa trên trực quan từ bên ngoài, tình trạng kỹ thuật bên trong và chất lượng tài sản thẩm định giá không thuộc trách nhiệm của SIVC. Trong mọi trường hợp, SIVC không có trách nhiệm đối với bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ xác nhận giá trị cho lô vật tư dư thừa, phế liệu (scrap) của Dự án CHW2204 có đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, số lượng và hiện trạng được mô tả chi tiết như trên, theo yêu cầu thẩm định giá của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.
- SIVC không chịu trách nhiệm về các thông tin liên quan đến khối lượng, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và hiện trạng của tài sản thẩm định giá do người hướng dẫn hiện trạng cung cấp.

- Mức giá nêu trên là mức giá tối thiểu, chỉ đề tư vấn cho khách hàng tham khảo xây dựng giá khởi điểm trong hồ sơ bán thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.2 Những hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- Tại thời điểm thẩm định giá khách hàng chưa cung cấp quyết định hoặc chủ trương về việc thanh lý tài sản.
- Kết quả thẩm định giá nêu trên được đề nghị với khách hàng trong điều kiện hạn chế bởi các thông tin mà SIVC thu thập được tại thời điểm thẩm định giá. Trong mọi trường hợp, SIVC không chịu trách nhiệm đối với những vi phạm pháp luật của khách hàng cũng như những thiệt hại khác xảy ra trong quá trình giao dịch cụ thể (nếu có).
- Mức giá tư vấn nêu trên chỉ được xác nhận tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá với các chính sách quản lý của Nhà nước hiện tại có liên quan. Trong trường hợp các chính sách của Nhà nước thay đổi có thể làm cho các mức giá nêu trên thay đổi. Trong quá trình giao dịch, chủ đầu tư hay chủ tài sản cần đàm phán về các điều kiện giao dịch nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao nhất về giá giao dịch cũng như các điều kiện thương mại kèm theo. Trong mọi trường hợp, SIVC không chịu trách nhiệm đối với những vi phạm pháp luật của khách hàng cũng như những thiệt hại khác có thể xảy ra.
- Mức giá trên được đưa ra tư vấn trong điều kiện SIVC không phải đơn vị mua tài sản, không ký hợp đồng kinh tế, không trực tiếp đàm phán cụ thể về các điều kiện thương mại ...
- Mức giá tư vấn nêu trên chỉ được xác nhận tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.
- Giá giao dịch cụ thể có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thị trường, tùy thuộc vào nhu cầu của người mua tiềm năng, điều kiện mua bán và động thái thị trường tại thời điểm diễn ra giao dịch; mà người mua và người bán sẽ có mức giá giao dịch hợp lý.
- Do đặc thù vùng miền, tập quán, điều kiện giao thông, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội mà mức giá có thể cao hơn hay thấp hơn các vùng khác.

12. Các phụ lục kèm theo (nếu có):

- Phụ lục hình tài sản thẩm định giá.

TRỢ LÝ THẨM ĐỊNH VIÊN

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Minh Hoàng Trần Tiên Công



Đoàn Bảo Trân

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tuyết Anh
Thẻ ĐDV số: VIII13.715
Chứng chỉ ĐGD số: 05370120



Nguyễn Cảnh Sơn
Thẻ ĐDV số: IV06.321
Chứng chỉ ĐGD số: 05760120

PHỤ LỤC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ

(Số 002/2025/12/ĐS ngày 30/09/2025 của SIVC)

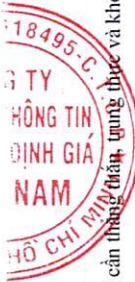
Đvt: Đồng

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Khối lượng	Thông tin tham khảo			SIVC đánh giá	
				Thông tin 1	Thông tin 2	Thông tin 3	Đơn giá chọn	Thành tiền
1	Khu vực 1	– PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2+NR EN-S355K2NR EN-S355ML+Z35 EN-S420ML S355K2+N S355K2+NR; S355K2NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z S420ML; S420NL/ML	1.589,452 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	15.099.794.000
2	Khu vực 2	– PLATE (Thép tấm) EN-S355ML S355ML	168,463 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	1.600.398.500
3	Khu vực 3	– BULB FLAT (Thép mỏng) S355J2+M S355ML/ M; S355ML+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN-S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 EN-S355MLZ S355K2+N; S355K2+NR S355ML S355ML+Z; S355ML+Z35 S355NL/ML; S355NL/ML+Z	711,856 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	6.762.632.000
4	Khu vực 4	– PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+NR EN-S355ML+Z35 S355K2+N	420,494 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	3.994.693.000

Stt	Khu vực	Đặc tính vật liệu	Khối lượng	Thông tin tham khảo			SIVC đánh giá	
				Thông tin 1	Thông tin 2	Thông tin 3	Đơn giá chọn	Thành tiền
8	Khu vực 8	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M; S355K2+N S355M S355ML S355ML+Z	81,118 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	770.621.000
9	Khu vực 9	– BULB FLAT S355J2+M – PLATE (Thép tấm) EN-S355K2+N; EN- S355K2NR EN-S355ML EN-S355ML+Z35 S355K2+N; S355K2+NR S355ML; S355ML+Z S355ML-Z35 S355NL/ML	350,535 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	3.330.082.500
10	Khu vực 10	– TUBULAR (Thép ống) S355J2 S355J2+M S355K2+N S355M; S355ML S355ML+Z S355ML+Z35	99,960 tấn	9.000.000	9.000.000	9.500.000	9.500.000	949.620.000
Tổng cộng								46.114.795.500
Làm tròn								46.114.796.000

*** Nhận định:**

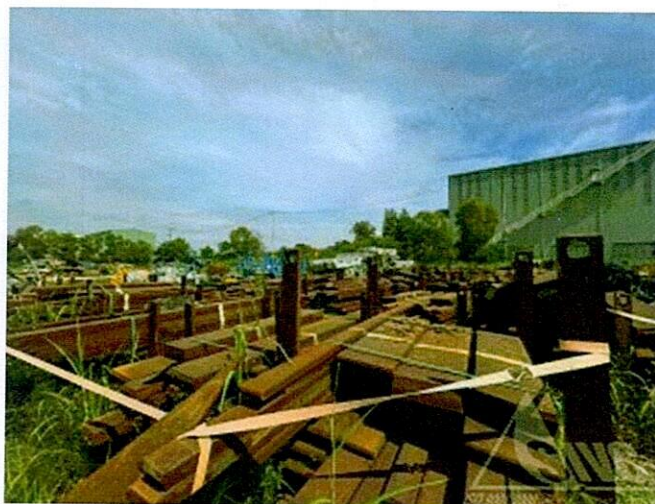
➤ Sau khi nghiên cứu hồ sơ, khảo sát thực tế hiện trạng tài sản và phân tích các thông tin thu thập, khảo sát được, SIVC nhận thấy giá chào mua của các đơn vị, cá nhân, không có sự chênh lệch nhiều về giá, điều kiện thanh toán giống nhau, là mức giá phù hợp và có thể giao dịch được trên thị trường và căn cứ vào mục đích thẩm định giá là làm cơ sở phục vụ cho công tác thanh lý, SIVC đề nghị chọn đơn giá cao nhất như trên làm cơ sở để trả lời cho khách hàng.



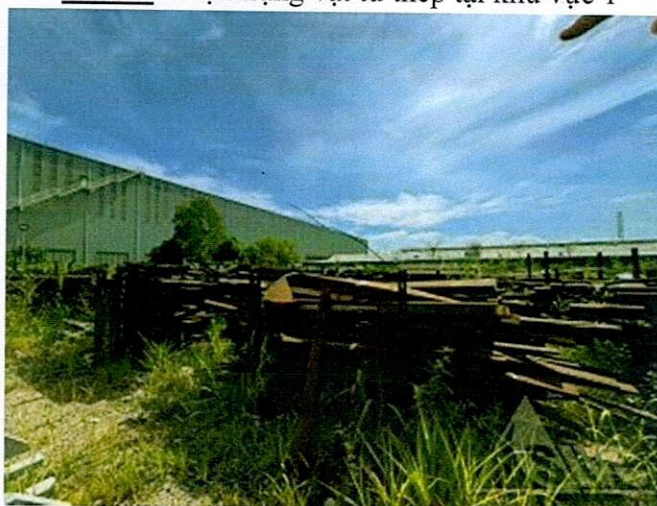
PHỤ LỤC ẢNH KÈM THEO CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ
(Kèm theo chứng thư thẩm định giá số 002/2025/12/ĐS ngày 30/09/2025 của SIVC)



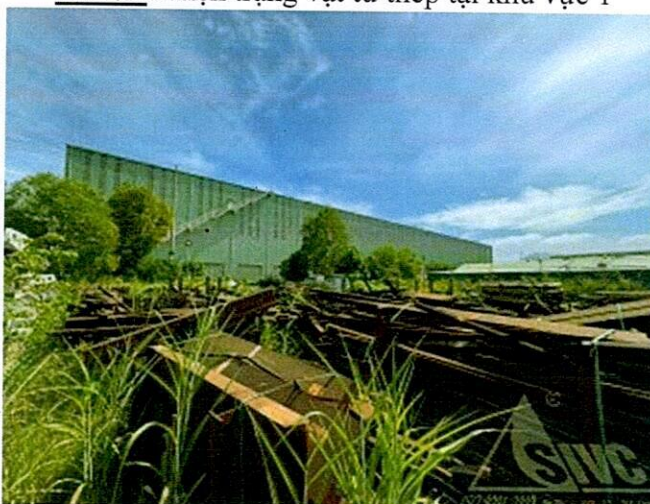
Hình 1: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



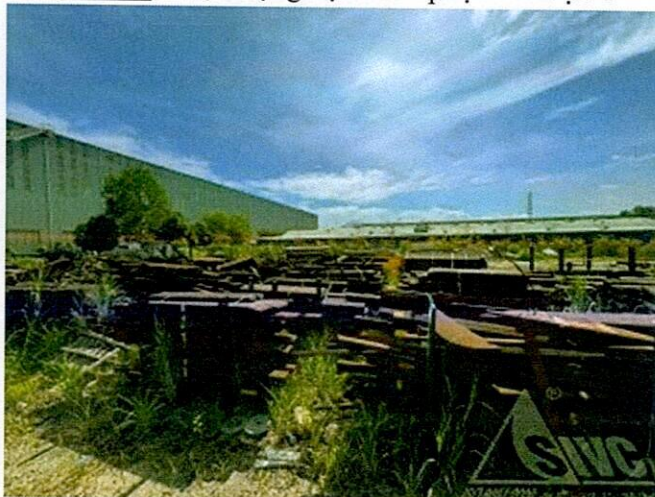
Hình 2: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 3: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 4: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



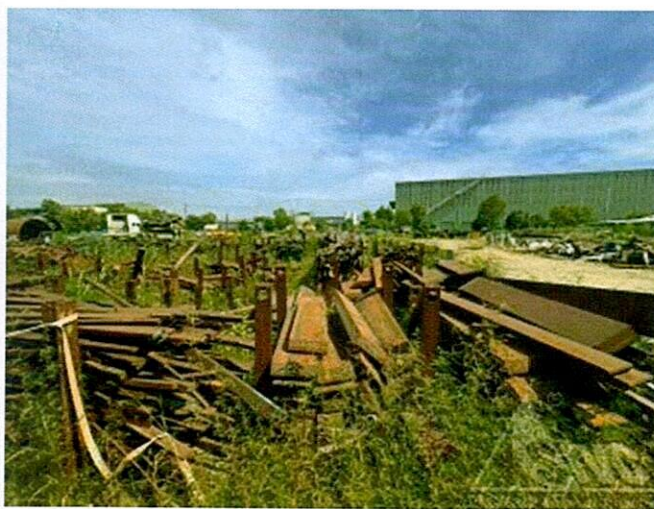
Hình 5: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 6: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 7: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 8: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 9: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 10: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 11: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 12: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 13: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 1



Hình 14: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 15: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 16: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 17: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 18: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 19: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 20: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 2



Hình 21: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 22: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 23: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 24: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 25: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 26: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 27: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 28: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 3



Hình 29: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 30: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 31: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 32: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 33: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 34: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 35: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 36: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 37: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 4



Hình 38: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 39: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 40: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 41: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 42: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5

3301
CÔ
PHÂN
THÂN
MIÊ
7-7



Hình 43: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 44: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 45: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 46: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 47: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



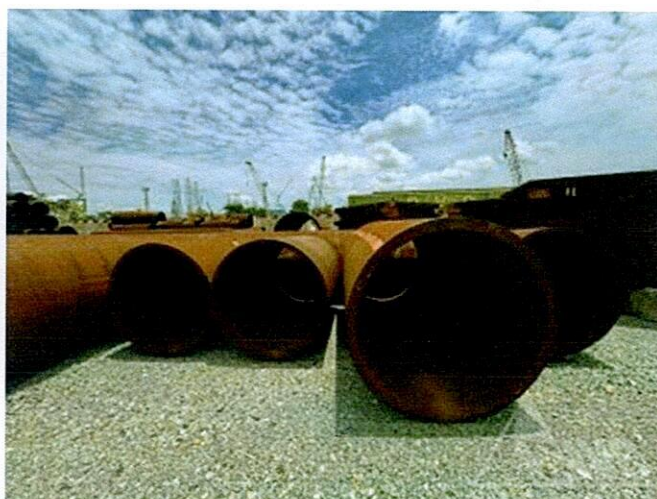
Hình 48: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 49: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 50: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 51: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 52: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 53: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



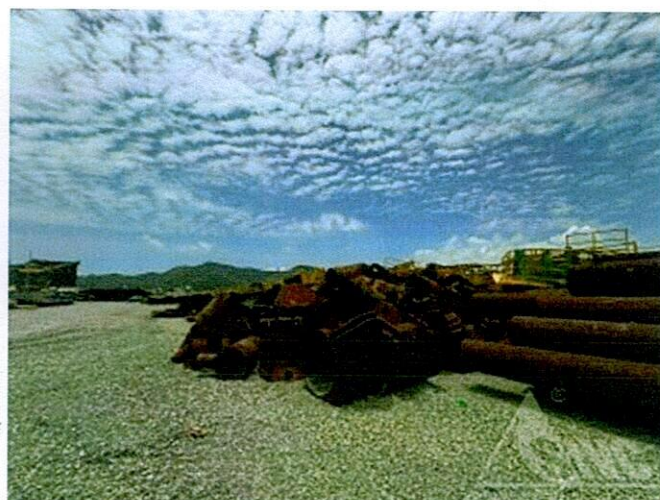
Hình 54: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 55: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



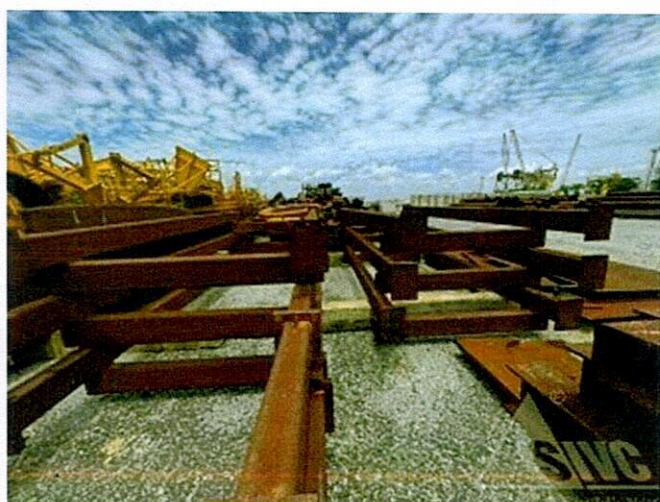
Hình 56: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 57: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 58: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 59: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 60: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



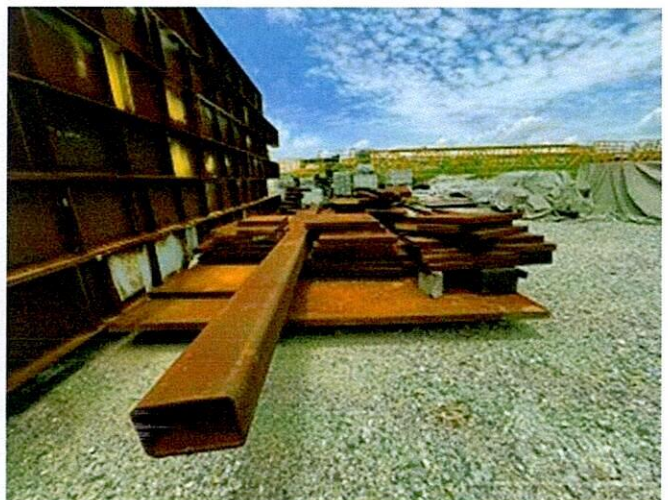
Hình 61: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 62: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 63: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 64: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 5



Hình 65: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 66: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 67: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 68: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 69: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 70: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 71: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 72: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 73: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 74: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 75: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 76: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 6



Hình 77: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 78: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 79: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 80: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 81: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 82: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 83: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 84: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 85: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 86: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 87: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 88: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 89: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 90: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 91: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 92: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 93: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 94: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 95: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 96: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7





Hình 97: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 7



Hình 98: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 99: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 100: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 101: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 102: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 103: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 104: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 105: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 106: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 107: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 108: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 8



Hình 109: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 110: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 111: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 112: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 113: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 114: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9





Hình 115: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 116: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 117: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 118: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 9



Hình 119: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 120: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10

18495
TY
HÔNG T
ĐINH G
NAM
HỒ CHÍ



Hình 121: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 122: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 123: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 124: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 125: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10



Hình 126: Hiện trạng vật tư thép tại khu vực 10

I.C.P * HNH